

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

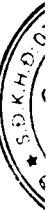
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH
VIÊN GIẤY THƯỢNG ĐÌNH**

MỤC LỤC

--- oOo ---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 39



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty TNHH Một thành viên Giày Thượng Đình tiền thân là Xí nghiệp Giày Thượng Đình được thành lập theo Quyết định số 2753/QĐ-UB ngày 10/11/1992 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Xí nghiệp chính thức chuyển thành Công ty Giày Thượng Đình kể từ ngày 08/7/1993 theo Quyết định số 2556/QĐ-UB ngày 08/7/1993 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Công ty Giày Thượng Đình chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Giày Thượng Đình theo Quyết định số 108/2005/QĐ-UB ngày 26/7/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kể từ ngày ký Quyết định; hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104000224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/9/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/01/2014. Từ ngày 29/6/2011 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Giày Thượng Đình theo Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 31/12/2015 là **41.328.491.978 đồng** (Bốn mươi một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng).

Bắt đầu từ ngày 19/7/2016, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu sang mô hình cổ phần theo Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc “Chuyển Công ty TNHH MTV Giày Thượng Đình thành Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình” và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100939 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100939 thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016 là **93.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ đồng chẵn).

Hình thức sở hữu vốn: TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Hoạt động chính của Công ty: Trong năm 2015, hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại giày vải, giày thể thao; xuất khẩu các sản phẩm của Công ty; cho thuê trụ sở văn phòng, nhà ở.

Tên tiếng Anh: Thuong Dinh Footwear Company.

Trụ sở chính: Số 277 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015; kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2015 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 39 kèm theo.

3. Thành phần Ban Lãnh đạo Công ty

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và đến ngày 18/7/2016 gồm:

Ông Nguyễn Duy Tân

Ông Vũ Công Hòa

Bà Nguyễn Thục Oanh

Ông Nguyễn Thế Huân

Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

2015
CHI
ĐÓNG
KIỂM
DỊCH
TP.
CAL

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN GIẤY THƯƠNG ĐÌNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

3. Thành phần Ban Lãnh đạo Công ty (tiếp theo)

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty từ ngày 19/7/2016 đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Duy Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật	Bổ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Trần Thanh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Bùi Tất Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Nguyễn Bá Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Nguyễn Thế Huân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Nguyễn Văn Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/5/2016

Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Ông Nguyễn Văn Khiêm	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật	Bổ nhiệm ngày 19/7/2016
Ông Bùi Tất Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/7/2016
Ông Nguyễn Thế Huân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/7/2016
Bà Trịnh Thị Thúy Mai	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19/7/2016

Thành viên Ban kiểm soát:

Bà Trần Thị Châu Giang	Trưởng ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Bùi Việt Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/5/2016
Bà Lưu Thị Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/5/2016

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN GIẤY THƯỢNG ĐÌNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

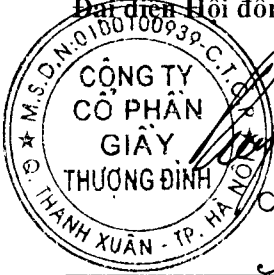
6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và đã thực hiện việc xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2016

Đại diện Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Duy Tân

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Duy Tân



Số: 160421THA/BCKT-AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Giày Thượng Đình (sau đây được viết tắt là “Công ty”) được lập ngày 31/3/2016 từ trang 06 đến trang 39 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về xử lý tài chính trong quá trình cổ phần hóa, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các quy định về xử lý tài chính trong quá trình cổ phần hóa. Các chuẩn mực, quy định này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2015 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Do hạn chế về mặt thời gian cũng như thời điểm kiểm toán cách xa thời điểm kết thúc niên độ tài chính, nên chúng tôi không có điều kiện để tham gia chứng kiến tái kiểm kê khoản mục hàng tồn kho. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu của chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính. Cụ thể giá trị của chỉ tiêu này là **45.424.101.426 đồng**.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Văn phòng Công ty chưa tính giá trị thành phẩm nhập kho theo thực tế phát sinh; đơn giá thành phẩm nhập kho và tồn kho cuối kỳ đang được xác định theo giá tạm tính.

Văn phòng Công ty đang trích thiếu bảo hiểm vào chi phí trong năm 2015 số tiền là **88.225.877 đồng** (tương ứng với giá trị bảo hiểm thu thừa của người lao động trong năm 2014 chưa được bù đắp trong năm 2015).

Văn phòng Công ty chưa hạch toán chi phí sử dụng hạ tầng của Nhà máy Sản xuất giấy da Hà Nam tại Khu Công nghiệp Đồng Văn cho năm tài chính 2015 với số tiền **143.960.000 đồng**.

Trong năm 2015, Nhà máy Sản xuất giấy da xuất khẩu - Đồng Văn - Hà Nam chưa hạch toán trích kinh phí công đoàn, số tiền là **89.903.760 đồng**.

Như đã thuyết minh tại Mục 4 phần IV - Các chính sách kế toán áp dụng của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Chúng tôi muốn nhấn mạnh người đọc Báo cáo tài chính rằng theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần". Công ty không thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Nếu theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Kiểm toán viên ước tính giá trị dự phòng cần trích lập là **6.799.082.824 đồng**

Ảnh hưởng của việc trích thiếu chi phí bảo hiểm và chưa hạch toán trích kinh phí công đoàn, chi phí sử dụng hạ tầng tại Nhà máy Sản xuất giấy da xuất khẩu - Đồng Văn - Hà Nam và việc chưa trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty làm cho Chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" bị ghi giảm giá trị **282.027.853 đồng**, Chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" bị ghi giảm giá trị **6.839.144.608 đồng** và Chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" bị ghi tăng giá trị **7.121.172.461 đồng**.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" và những ảnh hưởng của chúng tôi báo cáo tài chính, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về xử lý tài chính trong quá trình cổ phần hóa.

Lưu ý

Như đã thuyết minh tại Mục 1 phần VIII - Những thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu sang mô hình Công ty Cổ phần nên con dấu Công ty đang sử dụng trong Báo cáo tài chính này là của Công ty Cổ phần.

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2016

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
& DỊCH VỤ TÍN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Số giấy CNĐKHNKT: 2958-2014-005-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp



Đào Tiến Đạt
Số giấy CNĐKHNKT: 0078-2013-05-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145.094.184.969	104.581.821.090
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.166.941.485	16.824.330.665
1. Tiền	111		28.533.481.211	9.493.753.608
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.633.460.274	7.330.577.057
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.9a	9.135.300.000	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.135.300.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.277.125.838	36.304.454.416
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	50.492.575.439	35.434.300.112
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	727.530.510	339.859.565
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.057.019.889	530.294.739
IV. Hàng tồn kho	140		45.424.101.426	49.108.063.772
1. Hàng tồn kho	141	V.6	45.424.101.426	49.108.063.772
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.090.716.220	2.344.972.237
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	219.663.486	1.308.974.678
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.627.810.807	798.690.431
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12b	243.241.927	237.307.128
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.665.985.314	64.552.063.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		32.652.143.705	34.401.938.882
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	32.652.143.705	34.401.938.882
<i>Nguyên giá</i>	222		72.348.610.208	82.819.373.018
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(39.696.466.503)	(48.417.434.136)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	0
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9b	0	28.440.300.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	23.015.300.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	5.425.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.013.841.609	1.709.824.433
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.013.841.609	1.709.824.433
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		179.760.170.283	169.133.884.405

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		138.086.653.117	105.194.064.399
I. Nợ ngắn hạn	310		137.818.960.442	104.685.066.110
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	45.226.763.463	40.548.229.794
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	946.651.645	3.482.755.442
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	187.887.770	161.495.854
4. Phải trả người lao động	314		8.009.927.200	6.834.344.400
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	37.927.350.234	11.076.900.576
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	45.307.949.007	43.067.982.045
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		212.431.123	(486.642.001)
II. Nợ dài hạn	330		267.692.675	508.998.289
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		40.000.000	43.636.364
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	227.692.675	465.361.925
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.673.517.166	63.939.820.006
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	41.328.491.978	63.536.732.490
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		41.328.491.978	63.536.732.490
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		345.025.188	403.087.516
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		345.025.188	403.087.516
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		179.760.170.283	169.133.884.405

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

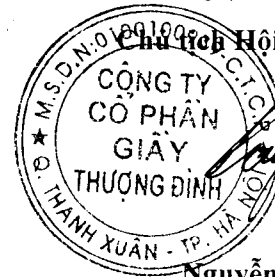
Lập biên

Trưởng phòng kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trịnh Thị Thúy Mai

Nguyễn Duy Tân



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng


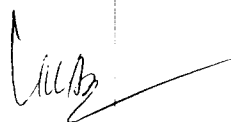
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	277.518.054.095	311.477.873.670
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	277.518.054.095	311.477.873.670
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	236.501.601.123	272.813.827.739
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.016.452.972	38.664.045.931
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	699.567.777	1.403.002.434
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	3.918.675.319	3.343.457.222
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.252.620.696	2.686.098.393
7. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	4.720.925.855	4.349.655.210
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	31.003.488.806	30.019.227.163
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.072.930.769	2.354.708.770
10. Thu nhập khác	31	VI.7	114.715.873	448.832.497
11. Chi phí khác	32	VI.8	43.200.380	358.452.065
12. Lợi nhuận khác	40		71.515.493	90.380.432
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.144.446.262	2.445.089.202
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	766.520.371	989.915.852
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.377.925.891	1.455.173.350

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Trịnh Thị Thúy Mai

Nguyễn Duy Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

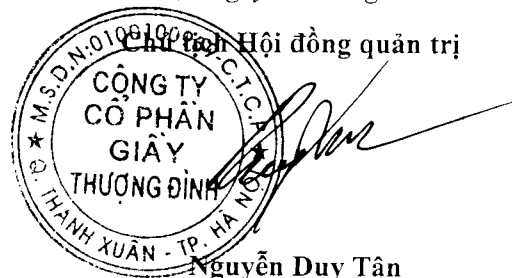
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	269.711.899.778	337.208.277.702
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(177.451.136.201)	(215.260.995.275)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(53.974.774.600)	(61.081.015.145)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(2.252.620.696)	(2.686.098.393)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(650.406.341)	(860.683.544)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	136.363.233.568	1.979.030.727
7.	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(154.140.069.037)	(28.825.706.680)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.606.126.471	30.472.809.392
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(444.821.664)	(356.992.600)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	22	45.454.545	0
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	310.985.242	373.776.387
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(88.381.877)	16.783.787
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	169.737.216.015	172.620.222.684
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(167.912.300.134)	(194.229.413.466)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.824.915.881	(21.609.190.782)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	19.342.660.475	8.880.402.397
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.824.330.665	7.933.567.858
	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>(49.655)</i>	<i>10.360.410</i>
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	36.166.941.485	16.824.330.665

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trịnh Thị Thúy Mai

Nguyễn Duy Tân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình tiền thân là Xí nghiệp Giấy Thượng Đình được thành lập theo Quyết định số 2753/QĐ-UB ngày 10/11/1992 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Xí nghiệp chính thức chuyển thành Công ty Giấy Thượng Đình kể từ ngày 08/7/1993 theo Quyết định số 2556/QĐ-UB ngày 08/7/1993 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Công ty Giấy Thượng Đình chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Giấy Thượng Đình theo Quyết định số 108/2005/QĐ-UB ngày 26/7/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kể từ ngày ký Quyết định; hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104000224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/9/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/01/2014. Từ ngày 29/6/2011 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình theo Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 31/12/2015 là **41.328.491.978 đồng** (Bốn mươi một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng).

Bắt đầu từ ngày 19/7/2016, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu sang mô hình cổ phần theo quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc “Chuyển Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình thành Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình” và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100939 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100939 thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016 là 93.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính: Số 277 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

2. Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3. Lĩnh vực kinh doanh**3.1. Lĩnh vực kinh doanh chính**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm 2015 là sản xuất các loại giấy vải, giấy thể thao; xuất khẩu các sản phẩm của Công ty; cho thuê trụ sở văn phòng, nhà ở.

3.2. Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là:

- Sản xuất các loại giấy vải, giấy thể thao và dép các loại;
- Xuất khẩu các sản phẩm của Công ty và nhận ủy thác xuất khẩu cho các đơn vị kinh tế trong nước khi có yêu cầu;
- Hợp tác liên doanh, liên kết, mở cửa hàng, đại lý để giới thiệu và tiêu thụ các sản phẩm của Công ty và sản phẩm liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước;
- Nhập khẩu các loại nguyên liệu, máy móc, phụ tùng thiết bị phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị kinh tế có nhu cầu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.2 Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (tiếp theo)

- Dịch vụ nhà khách và dịch vụ du lịch;
- Cho thuê trụ sở văn phòng, nhà ở, siêu thị, kho tàng, bến bãi;
- Kinh doanh thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo dạy nghề, nâng cao tay nghề cho các cán bộ công nhân viên hoặc các đối tượng khác khi có nhu cầu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng trong năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính
Không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2015, cơ cấu Công ty gồm có:

- Văn phòng Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình (sau đây viết tắt là “Văn phòng Công ty”), tại số 277 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội;

- 01 (một) Nhà máy trực thuộc hạch toán độc lập là Nhà máy Sản xuất giấy da xuất khẩu, tại Khu công nghiệp Đồng Văn, tỉnh Hà Nam;

- 01 (một) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình tại thị xã Sầm Sơn - Thanh Hóa, địa chỉ ở số 44, đường Tô Hiến Thành, phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

- Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội:

+ Tại ngày 01/01/2015: Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là **26.500.000.000 đồng** (Hai mươi sáu tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn). Trong đó, vốn góp của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình vào Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là **23.015.300.000 đồng** (Hai mươi ba tỷ, không trăm mười lăm triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn), tỷ lệ vốn góp tương ứng 86,85% vốn điều lệ.

+ Trong năm 2015, Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình thực hiện chào bán **2.301.530 cổ phần** mà Công ty đại diện vốn cho Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội, số cổ phần đã bán được là **1.388.000 cổ phần**. Số tiền thu được từ việc bán số cổ phần trên là **24.428.800.000 đồng**, Công ty chưa nộp về tài khoản tạm thu của Sở Tài chính.

+ Tại ngày 31/12/2015: Vốn góp của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là **9.135.300.000 đồng** (Chín tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn), tỷ lệ vốn góp tương ứng 34,47% vốn điều lệ.

+ Công ty đang tiếp tục thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội; giá trị doanh nghiệp được xác định tại ngày 31/12/2014 theo Quyết định 912/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 không bao gồm giá trị góp vốn tại Công ty Cổ phần Giấy Trúc Bạch và Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Ngoại trừ chính sách về tỷ giá hối đoái ghi nhận trong kế toán được nêu tại thuyết minh số IV.2.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2015: 22.450 VND/USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2015: 22.540 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần" thì trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty không thực hiện trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước;

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần" thì trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty không thực hiện trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****6.1. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

6.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/6/2013 của Bộ Tài chính về việc "*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định*".

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>10 - 50 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>07 - 10 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>05 - 10 năm</i>

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần" thì trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty không thực hiện trích lập các khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm; công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ;...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả người lao động, phải trả khác,... tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai). Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành do nhà nước giao vốn, vốn do công ty mẹ đầu tư vào công ty con, các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản hoặc được bổ sung từ các quỹ, được trích từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp được ghi nhận theo số vốn Ngân sách Nhà nước giao.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về việc "Đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp" và điều lệ Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái),...

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Công cụ tài chính (tiếp theo)

cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015		01/01/2015	
	USD	đồng	USD	đồng
Tiền		28.533.481.211		9.493.753.608
<i>Tiền mặt</i>		<i>1.335.863.150</i>		<i>173.777.966</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>2.751,19</i>	<i>27.197.618.061</i>	<i>396.570,17</i>	<i>9.319.975.642</i>
Tiền gửi Việt Nam đồng		27.135.853.845		833.860.950
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công		27.131.170.213		690.009.475
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		2.775.690		140.406.640
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam		1.907.942		1.963.561
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hà Nam		0		1.481.274
Tiền gửi ngoại tệ (USD)	2.751,19	61.764.216	396.570,17	8.486.114.692
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công	2.751,19	61.764.216	396.570,17	8.486.114.692
Các khoản tương đương tiền		7.633.460.274		7.330.577.057
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công (tài khoản tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng)		7.633.460.274		7.330.577.057
Cộng	2.751,19	36.166.941.485	396.570,17	16.824.330.665

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Ngắn hạn	50.492.575.439	0	35.434.300.112	0
SHIN SUNG Trading Co., Ltd	9.565.927.040	0	5.015.294.244	0
Nippon Steel and Sumikin bussan Corporation	6.486.149.608	0	0	0
Central Park Shoes HK LTD	6.282.574.804	0	2.841.136.594	0
Đỗ Thị Hoà	6.042.076.599	0	6.042.076.599	0
Phải thu khách hàng khác	22.115.847.388	0	21.535.792.675	0
Cộng	50.492.575.439	0	35.434.300.112	0

CÔNG TY TNHH MTV GIÀY THƯỢNG ĐÌNH

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, Tp.Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	727.530.510	0	339.859.565	0
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Việt Hà	350.000.000	0	0	0
Trung tâm Tư vấn Kiến trúc và Đầu tư xây dựng	200.000.000	0	200.000.000	0
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Việt Nam	100.000.000	0	100.000.000	0
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nguyễn Anh Khôi	39.045.000	0	0	0
Trả trước cho người bán khác	38.485.510	0	39.859.565	0
Cộng	727.530.510	0	339.859.565	0

4. Phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.057.019.889	0	530.294.739	0
Phải thu về cổ phần hóa	770.330.754	0	127.600.000	0
Tạm ứng	220.230.000	0	77.989.900	0
Đỗ Thanh Sơn	79.500.000	0	0	0
Bùi Thị Hạnh	26.000.000	0	26.000.000	0
Nguyễn Duy Giảng	17.230.000	0	0	0
Phan Quang Huy	75.000.000	0	17.749.900	0
Vũ Trung Bình	10.000.000	0	14.000.000	0
Tạm ứng cho các cá nhân khác	12.500.000	0	20.240.000	0
Phải thu Phòng xuất nhập khẩu	48.400.880	0	75.093.631	0
Phải thu Phòng Kế hoạch vật tư	5.000.000	0	5.000.000	0
Công ty TNHH Hóa dệt Hà Tây	3.379.600	0	3.379.600	0
Thuế thu nhập cá nhân	9.678.655	0	19.516.845	0
Thuế GTGT đầu vào chưa được kê khai	0	0	126.526.000	0
Ông Đào Quốc Hải	0	0	20.000.000	0
Ký quỹ mua nguyên liệu, vật liệu từ nước ngoài	0	0	75.115.040	0
Phải thu ngắn hạn khác	0	0	73.723	0
Cộng	1.057.019.889	0	530.294.739	0

CÔNG TY TNHH MTV GIẤY THƯƠNG ĐÌNH

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, Tp.Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Nợ xấu

Đối tượng công nợ	31/12/2015		Đối tượng nợ	01/01/2015		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Đỗ Thị Hòa (*)	6.042.076.599	0	Phát sinh từ năm 2014	6.042.076.599	0	Phát sinh từ năm 2014
Nguyễn Khánh Toàn (*)	3.559.692.131	0	Phát sinh từ năm 2014	3.559.692.131	0	Phát sinh từ năm 2014
Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dép các loại (*)	2.790.815.438	0	Phát sinh từ năm 2014	2.840.815.438	50.000.000	Phát sinh từ năm 2014
NEXT PLC	817.796.252	245.338.876	Phát sinh từ năm 2013	779.729.567	389.864.784	Phát sinh từ năm 2013
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hà Long	39.600.000	11.880.000	Phát sinh từ năm 2013	39.600.000	19.800.000	Phát sinh từ năm 2013
Công ty TNHH Đầu tư phát triển kinh tế Đồng Ân	2.613.364	0	Phát sinh từ trước năm 2013	2.613.364	0	Phát sinh từ trước năm 2013
Tổng	13.252.593.784	257.218.876		13.264.527.099	459.664.784	

(*): Đây là các khoản phải thu do bà Đỗ Thị Hòa đứng tên chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ (trong đó ông Nguyễn Khánh Toàn là con rể bà Hòa; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dép các loại do bà Hòa làm Giám đốc). Số dư tại ngày 31/12/2015 là 12.392.584.168 đồng. Về vấn đề này, Công ty TNHH MTV Giấy Thương Đình đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu thanh toán khoản nợ. Ngày 29/7/2014, bà Đỗ Thị Hòa đã viết Giấy cam kết về việc thanh toán công nợ với thời hạn thanh toán là đến ngày 31/12/2014. Tuy nhiên đến thời hạn trên bà Hòa vẫn chưa thanh toán theo nội dung cam kết. Công ty TNHH MTV Giấy Thương Đình đã mời Phòng An ninh kinh tế và Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hà Nội thụ lý vụ việc nhưng đến thời điểm này Công ty vẫn chưa nhận được thông báo chính thức. Các khoản công nợ trên đã quá thời hạn thanh toán và được Công ty đánh giá là khó có khả năng thu hồi.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán cho năm tài chính 2015, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ trên theo quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần".

6. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.750.505.321	0	15.145.760.359	0
Công cụ, dụng cụ	600.540.320	0	450.510.905	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.654.965.106	0	5.507.508.384	0
Thành phẩm	20.418.090.679	0	28.004.284.124	0
Cộng	45.424.101.426	0	49.108.063.772	0

CÔNG TY TNHH MTV GIÀY THƯỢNG ĐÌNH

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, Tp.Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
a. Ngắn hạn	219.663.486	1.308.974.678
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	219.663.486	1.308.974.678
b. Dài hạn	2.013.841.609	1.709.824.433
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.042.353.469	1.219.299.288
Chi phí cải tạo nền nhà kho bao gói	258.267.508	0
Chi phí nâng cấp nhà kho	243.040.027	0
Chi phí làm trần phân xưởng cắt	104.975.008	245.462.008
Chi phí cải tạo kho phân xưởng gò	93.669.823	0
Chi phí cải tạo nâng nền nhà kho	92.867.250	141.602.250
Chi phí làm hệ thống chống nóng phân xưởng mẫu và bao gói	89.737.637	0
Chi phí sửa chữa nồi hơi	88.930.887	103.460.887
Cộng	2.233.505.095	3.018.799.111

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2015	39.942.319.136	39.313.124.537	2.828.975.085	270.454.260	464.500.000	82.819.373.018
Mua trong năm	0	589.622.727	280.521.664	0	0	870.144.391
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(198.177.333)	0	0	(198.177.333)
Giảm khác (*)	0	(11.101.829.868)	0	(40.900.000)	0	(11.142.729.868)
Số dư tại 31/12/2015	39.942.319.136	28.800.917.396	2.911.319.416	229.554.260	464.500.000	72.348.610.208
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2015	14.972.388.639	31.922.774.791	887.806.574	228.026.640	406.437.492	48.417.434.136
Khấu hao trong năm	912.057.454	1.242.065.871	281.599.423	15.455.424	0	2.451.178.172
Hao mòn TSCĐ hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	0	0	58.062.508	58.062.508
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(198.177.333)	0	0	(198.177.333)
Giảm khác (*)	0	(10.991.130.980)	0	(40.900.000)	0	(11.032.030.980)
Số dư tại 31/12/2015	15.884.446.093	22.173.709.682	971.228.664	202.582.064	464.500.000	39.696.466.503
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2015	24.969.930.497	7.390.349.746	1.941.168.511	42.427.620	58.062.508	34.401.938.882
Số dư tại 31/12/2015	24.057.873.043	6.627.207.714	1.940.090.752	26.972.196	0	32.652.143.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

(*): Ghi giảm TSCĐ theo Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình; Biên bản bàn giao thực tế và quyết toán giao nhận tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa với Trung tâm giao dịch, đầu tư, tư vấn mua bán nợ và tài sản ngày 09/12/2015.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **3.568.055.036 đồng**.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao ngày 31/12/2015 nhưng vẫn còn sử dụng: **21.895.486.901 đồng**.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: **0 đồng**.

9. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a- Ngắn hạn						
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	9.135.300.000	0	9.135.300.000	0	0	0
Công ty CP Cao su Hà Nội (a)	9.135.300.000	0	9.135.300.000	0	0	0
b- Dài hạn						
<i>Đầu tư vào Công ty con</i>	0	0	0	23.015.300.000	0	23.015.300.000
Công ty CP Cao su Hà Nội (a)	0	0	0	23.015.300.000	0	23.015.300.000
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	0	0	0	5.425.000.000	0	5.425.000.000
Công ty CP Giấy Trúc Bạch (b)	0	0	0	5.425.000.000	0	5.425.000.000
Cộng	9.135.300.000	0	9.135.300.000	28.440.300.000	0	28.440.300.000

(a) Tại ngày 01/01/2015: Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là 26.500.000.000 đồng. Trong đó, vốn góp của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình vào Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là 23.015.300.000 đồng, tỷ lệ vốn góp tương ứng 86,85% vốn điều lệ.

+ Trong năm 2015, Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình thực hiện chào bán 2.301.530 cổ phần mà Công ty đại diện vốn cho Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội, số cổ phần đã bán được là 1.388.000 cổ phần. Số tiền thu được từ việc bán số cổ phần trên là 24.428.800.000 đồng, Công ty chưa nộp về tài khoản tạm thu của Sở Tài chính.

+ Tại ngày 31/12/2015: Vốn góp của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là 9.135.300.000 đồng, tỷ lệ vốn góp tương ứng 34,47% vốn điều lệ.

+ Công ty đang tiếp tục thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội; giá trị doanh nghiệp được xác định tại ngày 31/12/2014 theo Quyết định 912/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 không bao gồm giá trị góp vốn tại Công ty Cổ phần Giấy Trúc Bạch và Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội.

CÔNG TY TNHH MTV GIÀY THƯỢNG ĐÌNH

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, Tp.Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(b): Công ty TNHH Một thành viên Giày Thượng Đình đã thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Giày Trúc Bạch là 5.425.000.000 đồng theo thông báo tại Công văn số 7316/UBND-KT ngày 15/10/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

10. Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Ngắn hạn	45.226.763.463	45.226.763.463	40.548.229.794	40.548.229.794
Công ty TNHH Lợi Thành	5.111.591.397	5.111.591.397	5.091.059.111	5.091.059.111
Vật tư nhập ngoại	4.631.480.206	4.631.480.206	149.403.689	149.403.689
Công ty TNHH Thương mại Dệt may Thanh Tùng	3.780.505.344	3.780.505.344	0	0
Hợp tác xã CN Trường Sơn Vũ Thị Nga	3.469.853.640	3.469.853.640	1.254.000.000	1.254.000.000
Công ty TNHH Nguyên phụ liệu Da giày Phương Nam	2.574.249.322	2.574.249.322	2.689.962.600	2.689.962.600
Công ty Cổ phần Thiên Sơn	2.382.087.185	2.382.087.185	0	0
Cửa hàng Triệu Thị Dung	2.324.458.219	2.324.458.219	2.583.248.136	2.583.248.136
Nguyễn Văn Lưu	748.480.000	748.480.000	803.680.000	803.680.000
Công ty TNHH Thanh Tùng	555.065.150	555.065.150	564.698.050	564.698.050
Phải trả người bán khác	0	0	4.577.919.980	4.577.919.980
Cộng	19.648.993.000	19.648.993.000	22.834.258.228	22.834.258.228
c- Phải trả người bán là bên liên quan	45.226.763.463	45.226.763.463	40.548.229.794	40.548.229.794
Công ty CP Cao su Hà Nội	980.360.700	980.360.700	1.198.145.817	1.198.145.817
Cộng	980.360.700	980.360.700	1.198.145.817	1.198.145.817

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2015	01/01/2015
a. Ngắn hạn	946.651.645	3.482.755.442
Công ty Cổ phần Giày Thái Thịnh	395.308.960	3.337.107.264
Công ty TNHH Phong Châu	301.033.160	141.464.206
Công ty TNHH Thương Mại Hằng Hưng	197.472.000	0
Công ty Cổ phần Ngọc Nguyên Châu	26.400.000	0
Công ty TNHH Đầu tư và TM Kim Phúc	21.795.786	0
Người mua trả tiền trước khác	4.641.739	4.183.972
Cộng	946.651.645	3.482.755.442

CÔNG TY TNHH MTV GIÀY THƯỢNG ĐÌNH

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, Tp.Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
a- Phải nộp	161.495.854	5.814.442.380	5.788.050.464	187.887.770
Thuế giá trị gia tăng (Nhà máy sản xuất Giày da xuất khẩu - Hà Nam)	118.703.582	789.706.155	829.754.997	78.654.740
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	0	10.928.708	10.928.708	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.275.427	726.685.289	650.406.341	99.554.375
Thuế thu nhập cá nhân	19.516.845	17.828.655	27.666.845	9.678.655
Tiền thuê đất	0	4.265.293.573	4.265.293.573	0
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	4.000.000	4.000.000	0
Tổng	161.495.854	5.814.442.380	5.788.050.464	187.887.770
	01/01/2015	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2015
b- Phải thu	237.307.128	16.288.825.613	16.282.890.814	243.241.927
Thuế giá trị gia tăng	194.859.828	16.288.825.613	16.243.055.732	240.629.709
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.447.300	0	39.835.082	2.612.218
Cộng	237.307.128	16.288.825.613	16.282.890.814	243.241.927

13. Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
a- Ngắn hạn	37.927.350.234	11.076.900.576
Kinh phí công đoàn	1.103.087.069	603.799.589
Bảo hiểm xã hội	594.444.840	278.464.752
Bảo hiểm y tế	31.622.116	21.196.735
Bảo hiểm thất nghiệp	17.651.929	17.181.910
Phải trả về cổ phần hóa	26.137.724.688	0
Công ty Cổ phần HBI - Hợp tác kinh doanh (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Lãi chậm trả Bảo hiểm xã hội	20.639.592	0
Công ty TNHH Hoá dệt Hà tây (**)	4.080.000	4.080.000
Phải trả Công ty Cổ phần Licogi 12.9	7.000.000	7.000.000
Công ty Cổ phần Thiên Sơn (**)	0	17.424.795
Phải trả SPOT SHOES TRADING tiền ứng trước cước vận chuyển	0	25.686.000
Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội (**)	0	89.848.795
Phải trả ngắn hạn khác	11.100.000	12.218.000
Cộng	37.927.350.234	11.076.900.576
c- Phải trả khác là bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội (**)	0	89.848.795
Cộng	0	89.848.795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Phải trả khác (tiếp theo)

(*): Đây là khoản vốn góp của Công ty Cổ phần HBI tham gia hợp tác đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng, nhà ở cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại tại địa chỉ số 277 Nguyễn Trãi và số 74 phố Hạ Đình thuộc phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo thỏa thuận nguyên tắc hợp tác kinh doanh số 01/2010/TTNTHTKD ngày 11/11/2010.

(**): Đây là các khoản đi vay mượn vật tư, công cụ sản xuất.

14. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2015		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Vay ngắn hạn	43.067.982.045	43.067.982.045	45.307.949.007	45.307.949.007
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công (*)</i>	<i>43.067.982.045</i>	<i>43.067.982.045</i>	<i>45.307.949.007</i>	<i>45.307.949.007</i>
Đồng Việt Nam	12.244.291.933	12.244.291.933	1.450.493.600	1.450.493.600
Ngoại tệ	30.823.690.112	30.823.690.112	43.857.455.407	43.857.455.407
+ Nguyên tệ (USD)	1.442.949,61	1.442.949,61	1.944.528,98	1.944.528,98
+ Quy đổi (đồng)	30.823.690.112	30.823.690.112	43.857.455.407	43.857.455.407
b- Vay dài hạn	465.361.925	465.361.925	227.692.675	227.692.675
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công (*)</i>	<i>465.361.925</i>	<i>465.361.925</i>	<i>227.692.675</i>	<i>227.692.675</i>
Ngoại tệ	465.361.925	465.361.925	227.692.675	227.692.675
+ Nguyên tệ (USD)	21.700,00	21.700,00	10.850,00	10.850,00
+ Quy đổi (đồng)	465.361.925	465.361.925	227.692.675	227.692.675
Cộng	43.533.343.970	43.533.343.970	45.535.641.682	45.535.641.682

(*): Chi tiết các khoản vay dài hạn, ngắn hạn

Số tài khoản	Ngày vay	Ngày trả	Số dư (đồng)	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo (**)
Vay ngắn hạn đồng Việt Nam					
<i>HĐTD theo hạn mức số 01/15/HM/51465</i>					
457000216911	05/8/2015	05/01/2016	313.920.000	7,0%	
457000218766	18/8/2015	18/01/2016	334.250.000	7,0%	
457000219496	24/8/2015	24/01/2016	400.000.000	7,0%	
<i>HĐTD theo hạn mức số 02/15/HM/51465</i>					
457000223768	22/9/2015	22/02/2016	158.348.000	7,0%	
457000227056	19/10/2015	19/3/2016	243.975.600	7,0%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(*): Chi tiết các khoản vay dài hạn, ngắn hạn (tiếp theo)

Số tài khoản	Ngày vay	Ngày trả	Số dư (USD)	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo (**)
Vay ngắn hạn USD			1.944.528,98	%	
<i>HĐTD theo hạn mức số 02/15/HM/51465</i>					
457370052385	22/9/2015	22/02/2016	61.000,00	3,5%	
45370052505	29/9/2015	29/02/2016	22.344,00	3,5%	
45370052523	29/9/2015	29/02/2016	23.205,35	3,5%	
45370052679	05/10/2015	05/3/2016	44.553,35	3,2%	
45370052734	06/10/2015	06/3/2016	14.500,00	3,2%	
45370052752	06/10/2015	06/3/2016	45.916,03	3,2%	
45370052936	14/10/2015	14/3/2016	56.705,20	3,2%	
45370053060	20/10/2015	20/3/2016	29.197,73	3,2%	
45370053097	22/10/2015	22/3/2016	21.865,20	3,2%	
45370053244	26/10/2015	26/3/2016	23.062,83	3,2%	
45370053262	27/10/2015	27/3/2016	63.947,03	3,2%	
45370053280	27/10/2015	27/3/2016	25.635,42	3,2%	
45370053345	28/10/2015	28/3/2016	57.247,00	3,2%	
45370053390	30/10/2015	30/3/2016	14.500,00	3,2%	
45370053473	03/11/2015	03/4/2016	36.750,00	3,2%	
45370053529	04/11/2015	04/4/2016	78.796,77	3,2%	
45370053693	11/11/2015	11/4/2016	90.749,37	3,2%	
45370053767	13/11/2015	13/4/2016	44.722,72	3,2%	
45370053776	13/11/2015	13/4/2016	62.664,30	3,2%	
45370053840	18/11/2015	18/4/2016	58.163,67	3,2%	
45370053987	23/11/2015	23/02/2016	55.103,52	3,2%	
45370053996	23/11/2015	23/4/2016	110.940,13	3,2%	
45370054075	26/11/2015	26/4/2016	29.550,30	3,2%	
45370054084	26/11/2015	26/02/2016	16.568,60	3,2%	
45370054112	27/11/2015	27/4/2016	44.543,43	3,2%	
45370054222	03/12/2015	03/5/2016	62.700,88	3,2%	
45370054295	04/12/2015	04/5/2016	89.835,14	3,2%	
45370054341	08/12/2015	08/5/2016	42.774,25	3,2%	
45370054350	08/12/2015	08/3/2016	91.005,04	3,2%	
45370054507	15/12/2015	15/5/2016	97.494,10	3,2%	
45370054516	15/12/2015	15/5/2016	26.855,71	3,2%	
45370054525	16/12/2015	16/5/2016	37.465,27	3,2%	
45370054671	23/12/2015	23/5/2016	93.007,27	3,2%	
45370054680	23/12/2015	23/02/2016	60.222,32	3,2%	
45370054709	24/12/2015	24/5/2016	11.990,94	3,2%	
45370054718	24/12/2015	24/4/2016	9.949,73	3,2%	
45370054819	28/12/2015	28/5/2016	47.201,85	3,2%	
45370054837	28/12/2015	28/5/2016	117.008,16	3,2%	
45370054855	28/12/2015	28/3/2016	17.664,62	3,2%	
45370054873	29/12/2015	29/5/2016	7.121,75	3,2%	
Vay dài hạn USD			10.850,00		
Hợp đồng 01/11/TH/51465	02/12/2011	02/12/2016	10.850,00	5,5%	

(**): Công ty đang thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng tại khu công nghiệp Đồng Văn; máy móc, thiết bị sản xuất giấy, hai xe ô tô và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	63.154.754.873	(241.063.706)	62.913.691.167
Lãi trong năm trước	0	1.455.173.350	1.455.173.350
Phân phối lợi nhuận	381.977.617	(1.214.109.644)	(832.132.027)
Số dư cuối năm trước,	63.536.732.490	0	63.536.732.490
Số dư đầu năm nay			
Lãi trong năm nay	0	1.377.925.891	1.377.925.891
Phân phối lợi nhuận (*)	413.377.767	(1.377.925.891)	(964.548.124)
Giảm vốn trong năm (**)	(22.621.618.279)	0	(22.621.618.279)
Số dư cuối năm nay	41.328.491.978	0	41.328.491.978

(*): Công ty tạm phân phối lợi nhuận trên cơ sở lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2015 theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về việc “Đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp”. Trong đó, Công ty sử dụng toàn bộ nguồn quỹ đầu tư phát triển để bù đắp cho nguồn vốn đầu tư của Chủ sở hữu còn thiếu so với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(**): Giảm vốn trong năm do:

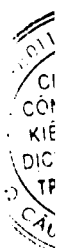
- Công ty thoái vốn tại Công ty Cổ phần Giấy Trúc Bạch theo Công văn số 7316/UBND-KT ngày 15/10/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc kết quả thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Giấy Trúc Bạch với số vốn đã thoái là 5.425.000.000 đồng.

- Công ty thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội theo Công văn số 5565/STC-TCDN ngày 27/10/2015 của Sở Tài chính - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với số vốn đã thoái là 13.880.000.000 đồng.

+ Công ty đã bán giao trên thực tế số tài sản bao gồm hàng tồn kho và tài sản cố định không cần dùng theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp về cho Trung tâm mua giao dịch, đầu tư, tư vấn mua bán nợ và tài sản theo Biên bản bàn giao ngày 09/12/2015. Tổng tài sản đã bán giao theo thực tế có nguyên giá là 14.348.649.259 đồng, giá trị còn lại là 3.316.618.279 đồng.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Vốn góp của Nhà nước	41.328.491.978	63.536.732.490
Cộng	41.328.491.978	63.536.732.490



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2015	Năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	63.536.732.490	63.154.754.873
+ Vốn góp tăng trong kỳ	413.377.767	381.977.617
+ Vốn góp giảm trong kỳ	22.621.618.279	0
+ Vốn góp cuối kỳ	41.328.491.978	63.536.732.490

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

c. Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
Đô la Mỹ (USD)	2.751,19	396.570,17
Cộng	2.751,19	396.570,17

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	268.518.092.308	302.608.241.193
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.999.961.787	8.869.632.477
Cộng	277.518.054.095	311.477.873.670

2. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	268.518.092.308	302.608.241.193
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.999.961.787	8.869.632.477
Cộng	277.518.054.095	311.477.873.670

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn hàng bán, thành phẩm, dịch vụ	236.501.601.123	272.813.827.739
Cộng	236.501.601.123	272.813.827.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	310.985.242	373.776.387
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	388.582.535	682.118.868
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	93.027.033
Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	254.080.146
Cộng	699.567.777	1.403.002.434

5. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền vay	2.252.620.696	2.686.098.393
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.476.566.110	657.358.829
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	189.488.513	0
Cộng	3.918.675.319	3.343.457.222

6. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
a- Chi phí bán hàng		
Chi phí vận tải, bốc xếp giấy	1.621.695.233	1.827.109.308
Chi phí xuất hàng, hội chợ, triển lãm	3.099.230.622	2.522.545.902
Cộng	4.720.925.855	4.349.655.210

b- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	18.571.255.526	17.936.429.767
Chi phí đồ dùng văn phòng	170.939.364	178.759.001
Chi phí vật liệu quản lý	303.045.079	462.722.742
Chi phí khấu hao TSCĐ	866.557.045	861.470.582
Thuế, phí, lệ phí	4.581.737.840	4.671.600.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.918.168.868	2.367.024.026
Chi phí bằng tiền khác	3.591.785.084	3.541.220.576
Cộng	31.003.488.806	30.019.227.163

7. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	45.454.545	246.440.757
Tiền lãi hoạt động kinh doanh chi nhánh Sầm Sơn	3.146.689	2.412.024
Thu nhập khác	66.114.639	199.979.716
Cộng	114.715.873	448.832.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Phạt chậm nộp thuế	18.808.473	99.995.048
Thuế GTGT không được khấu trừ của khoản thanh toán hóa đơn trên 20 triệu đồng bằng tiền mặt	0	215.558.173
Phạt chậm nộp BHXH	21.390.374	8.387.928
Chi phí khác	3.001.533	34.510.916
Cộng	43.200.380	358.452.065

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.144.446.262	2.445.089.202
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	1.339.737.241	2.054.528.306
Điều chỉnh tăng	1.383.439.293	2.568.628.681
- Lỗi chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại cuối kỳ của khoản mục tiền và phải thu khách hàng	94.297.458	0
- Phạt chậm nộp thuế	18.808.473	81.964.291
- Phạt chậm nộp BHXH	21.390.374	8.387.928
- Phạt do làm mất hóa đơn	3.000.000	0
- Chi ủng hộ quỹ an ninh quốc phòng	2.000.000	0
- Thuế GTGT hoàn trả lại ngân sách	0	31.257.117
- Thuế GTGT không được khấu trừ	0	34.028.000
- Điều chỉnh số thuế phải nộp theo Biên bản thanh tra thuế	0	2
- Hóa đơn đầu vào trên 20 triệu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng	0	317.059.499
- Loại trừ lỗ của Nhà máy	1.243.942.988	2.095.931.844
Điều chỉnh giảm	(43.702.052)	(514.100.375)
- Lãi chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại cuối kỳ các khoản phải thu	(43.702.052)	(260.020.229)
- Cổ tức và lợi nhuận được chia	0	(254.080.146)
Tổng thu nhập tính thuế	3.484.183.503	4.499.617.508
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	766.520.371	989.915.852

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.551.622.587	191.290.106.091
Chi phí nhân công	60.393.494.200	64.956.523.981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.451.178.352	2.793.993.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.837.031.269	10.543.408.104
Chi phí khác bằng tiền	29.498.087.294	29.819.484.144
Cộng	266.731.413.702	299.403.515.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 và ngày 01/01/2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần; tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2015 và ngày 01/01/2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau:

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền với lãi suất thả nổi không có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2015		
Đồng	+100	(93.687.002)
Đồng	-100	93.687.002
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2014		
Đồng	+100	(267.090.133)
Đồng	-100	267.090.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không thực hiện nắm giữ khoản đầu tư cổ phiếu nào.

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tuy nhiên tại thời điểm 31/12/2015, Văn phòng Công ty còn tồn tại một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán (Chi tiết tại thuyết minh số V.5).

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Nợ phải trả tài chính:

Đơn vị tính: đồng			
Tại ngày 31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	45.307.949.007	227.692.675	45.535.641.682
Phải trả người bán	45.226.763.463	0	45.226.763.463
Phải trả khác	10.005.180.000	0	10.005.180.000
Cộng	100.539.892.470	227.692.675	100.767.585.145
Tại ngày 01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	43.067.982.045	465.361.925	43.533.343.970
Phải trả người bán	40.548.229.794	0	40.548.229.794
Phải trả khác	10.137.039.590	0	10.137.039.590
Cộng	93.753.251.429	465.361.925	94.218.613.354

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng tại khu công nghiệp Đồng Văn; máy móc, thiết bị sản xuất giày, hai xe ô tô và tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng vào ngày 31/12/2015 và ngày 31/12/2014.

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ (đồng)				Giá trị hợp lý (đồng)			
	31/12/2015		01/01/2015		31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính								
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.166.941.485	0	16.824.330.665	0	36.166.941.485	0	16.824.330.665	
Đầu tư ngắn hạn	9.135.300.000	0	0	0	9.135.300.000	0	0	
Phải thu khách hàng	50.492.575.439	0	35.434.300.112	0	50.492.575.439	0	35.434.300.112	
Đầu tư dài hạn khác	0	0	28.440.300.000	0	0	0	28.440.300.000	
Phải thu khác	56.780.480	0	3.379.600	0	56.780.480	0	3.379.600	
TỔNG CỘNG	95.851.597.404	0	80.702.310.377	0	95.851.597.404	0	80.702.310.377	
Nợ phải trả tài chính								
Vay và nợ	45.535.641.682	0	43.533.343.970	0	45.535.641.682	0	43.533.343.970	
Phải trả người bán	45.226.763.463	0	40.548.229.794	0	45.226.763.463	0	40.548.229.794	
Phải trả khác	10.005.180.000	0	10.137.039.590	0	10.005.180.000	0	10.137.039.590	
TỔNG CỘNG	100.767.585.145	0	94.218.613.354	0	100.767.585.145	0	94.218.613.354	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2015 và ngày 01/01/2015. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Đơn vị tính: đồng***1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	169.737.216.015	172.620.222.684
Cộng	169.737.216.015	172.620.222.684

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	167.912.300.134	194.229.413.466
Cộng	167.912.300.134	194.229.413.466

VIII.NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động**

Bắt đầu từ ngày 19/7/2016, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu sang mô hình cổ phần theo quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc “Chuyển Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình thành Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình”; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100939 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016.

2. Giao dịch với các bên liên quan

- Thông tin về các bên liên quan:**

- Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội.
- Địa chỉ: Tô 13, thị trấn Cầu Diễn, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

- Tại ngày 01/01/2015: Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là 26.500.000.000 đồng. Trong đó, vốn góp của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình vào Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là 23.015.300.000 đồng, tỷ lệ vốn góp tương ứng 86,85% vốn điều lệ.

- Trong năm 2015, Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình thực hiện chào bán 2.301.530 cổ phần mà Công ty đại diện vốn cho Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội, số cổ phần đã bán được là 1.388.000 cổ phần. Số tiền thu được từ việc bán số cổ phần trên là 24.428.800.000 đồng, Công ty chưa nộp về tài khoản tạm thu của Sở Tài chính.

- Tại ngày 31/12/2015: Vốn góp của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là 9.135.300.000 đồng, tỷ lệ vốn góp tương ứng 34,47% vốn điều lệ.

- Công ty đang tiếp tục thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội; giá trị doanh nghiệp được xác định tại ngày 31/12/2014 theo Quyết định 912/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 không bao gồm giá trị góp vốn tại Công ty Cổ phần Giấy Trúc Bạch và Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội.

Giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: đồng					
	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Dư Nợ	Dư Có	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Nhập EVA, gia công tẩy lông	0	1.198.145.817	3.323.157.563	3.105.372.446	0	980.360.700
Vay vật tư (keo Newtex, dây chun, form giấy,...)	0	89.848.795	93.139.137	3.290.342	0	0
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội	23.015.300.000	0	0	13.880.000.000	9.135.300.000	0

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty nhận định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về khu vực địa lý mà Công ty cung cấp hàng hóa. Công ty kết luận rằng bộ phận theo khu vực địa lý là báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là báo cáo thứ yếu và sẽ trình bày báo cáo bộ phận chính yếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý:

Đơn vị tính: đồng

	Hàng hóa xuất khẩu	Hàng hóa bán nội địa và dịch vụ khác	Cộng
1. Doanh thu thuần			
Doanh thu từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	124.124.742.390	153.393.311.705	277.518.054.095
2 Chi phí			
Giá vốn (*)	105.779.425.450	130.722.175.673	236.501.601.123
Chi phí phân bổ	15.978.361.413	19.746.053.248	35.724.414.661
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.366.955.527	2.925.082.784	5.292.038.311
4 Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	389.187.106	480.957.285	870.144.391
5 Tài sản bộ phận	80.400.840.591	99.359.329.692	179.760.170.283
6 Tài sản không phân bổ	0	0	0
Tổng tài sản	80.400.840.591	99.359.329.692	179.760.170.283
7 Nợ phải trả bộ phận	61.761.640.343	76.325.012.774	138.086.653.117
Tổng nợ phải trả	61.761.640.343	76.325.012.774	138.086.653.117

(*): Giá vốn của Công ty được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu cung cấp hàng xuất khẩu và bán nội địa.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014 và Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng cuối năm 2014 của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thương Đình được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC).

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính áp dụng cho năm hiện hành.

Đơn vị tính: đồng

Trên Bảng cân đối kế toán

Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014			Số trình bày lại tại ngày 01/01/2015		
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
Tài sản ngắn hạn khác	158	153.104.940	Tài sản ngắn hạn khác	155	0
Các khoản phải thu khác	135	377.189.799	Phải thu ngắn hạn khác	136	530.294.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng cuối năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh. Số liệu kiểm toán Công ty TNHH Một thành viên Giày Thượng Đình được hồi tố theo Biên bản thanh tra thuế, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Giá trị tại ngày 01/01/2015			Ghi chú
		Sau khi phân loại	Trước khi phân loại	Chênh lệch	
		(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
TÀI SẢN		169.133.884.405	169.090.646.524	43.237.881	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	104.581.821.090	104.538.583.209	43.237.881	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	2.344.972.237	2.301.734.356	43.237.881	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	798.690.431	990.147.460	(191.457.029)	(1)
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	237.307.128	2.612.218	234.694.910	(2)
NGUỒN VỐN		169.133.884.405	169.090.646.524	43.237.881	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	105.194.064.399	105.197.321.522	(3.257.123)	
I. Nợ ngắn hạn	310	104.685.066.110	104.688.323.233	(3.257.123)	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	161.495.854	273.241.321	(111.745.467)	(3)
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(486.642.001)	(595.130.345)	108.488.344	(4)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	63.939.820.006	63.893.325.002	46.495.004	
I. Vốn chủ sở hữu	410	63.536.732.490	63.490.237.486	46.495.004	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	63.536.732.490	63.490.237.486	46.495.004	(5)
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH					
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	989.915.852	1.085.750.122	(95.834.270)	(6)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.455.173.350	1.359.339.080	95.834.270	

Chi tiết các bút toán điều chỉnh hồi tố đầu kỳ như sau:

(1): Điều chỉnh giảm Chi tiêu “Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ” trên Bảng cân đối kế toán số tiền 191.457.029 đồng theo Biên bản thanh tra thuế.

(2): Điều chỉnh tăng Chi tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” trên Bảng cân đối kế toán số tiền 234.694.910 đồng theo Biên bản thanh tra thuế.

(3), (6): Điều chỉnh giảm Chi tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” trên Bảng cân đối kế toán số tiền 111.745.467 đồng và Chi tiêu “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả kinh doanh số tiền 95.834.270 đồng do tính lại thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính 2014.

CÔNG TY TNHH MTV GIẤY THƯỢNG ĐÌNH

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, Tp.Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Điều chỉnh hồi tố (tiếp theo)

(4), (5): Điều chỉnh tăng Chi tiêu “Quỹ khen thưởng phúc lợi” số tiền 108.488.344 đồng và Chi tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” số tiền 46.495.004 đồng trên Bảng cân đối kế toán do ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh trên.

6. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trịnh Thị Thủy Mai

Nguyễn Duy Tân

ORIGIN